

Số: *123* /KH-UBND

Si Ma Cai, ngày 25 tháng 7 năm 2016

KẾ HOẠCH

Đẩy mạnh giải pháp can thiệp tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh trên địa bàn huyện Si Ma Cai, giai đoạn 2016-2020

Thực hiện kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 17/6/2016 của UBND tỉnh về việc can thiệp giảm tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016 - 2020. UBND huyện Si Ma Cai xây dựng Kế hoạch đẩy mạnh giải pháp can thiệp tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh trên địa bàn huyện Si Ma Cai, giai đoạn 2016 - 2020 như sau:

I. Tình hình chung và thực trạng, nguyên nhân mất cân bằng giới tính khi sinh trên địa bàn huyện

1. Tình hình chung

Si Ma Cai là một huyện vùng cao, biên giới, là một trong 62 huyện nghèo của cả nước được hưởng chính sách theo Nghị quyết 30a của Chính phủ, có tổng diện tích tự nhiên là 23.454 ha, gồm 13 đơn vị hành chính cấp xã với 98 thôn bản. Dân số trung bình 35.699 người, với 15 dân tộc anh em chung sống, trong đó dân tộc Mông chiếm 78,97% tổng dân số, còn lại là các dân tộc khác.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện, sự nỗ lực cố gắng của ngành y tế, công tác Dân số - KHHGD huyện Si Ma Cai đã đạt kết quả nhất định. Các chương trình y tế Quốc gia, y tế cấp ngành được triển khai thực hiện tốt. Toàn huyện có 13 Trạm y tế xã; 13/13 xã có cán bộ chuyên trách dân số, 92/98 thôn bản có nhân viên y tế kiêm cộng tác viên dân số.

Trong những năm gần đây trên địa bàn huyện xuất hiện tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh (Số bé trai được sinh ra trong 1 năm cao hơn nhiều so với bé gái) tỷ số này tuy đã giảm xong còn ở mức cao tập chung ở các xã có điều kiện kinh tế xã hội phát triển hơn, các xã có mức sinh thấp, các gia đình có điều kiện kinh tế.

2. Thực trạng Mất cân bằng giới tính khi sinh

Tỷ số bé trai/100 bé gái được sinh ra sống trong 1 năm 1

Năm	2011	2012	2013	2014	2015
Tỉnh Lào Cai	117,4	124,6	112,3	112,6	112,9
Huyện Si Ma Cai	131	107	106	103	127

1 Tỷ số giới tính khi sinh được tính bằng số trẻ em trai so với 100 trẻ em gái sinh ra sống trong trong thời gian một năm, ở mức sinh học tự nhiên tỷ số này trong khoảng 103- 106 trẻ trai/100 trẻ gái. Mất cân bằng giới tính khi là tỷ số giới tính không nằm trong tỷ số sinh học.

3. Nguyên nhân, hệ lụy của mất cân bằng giới tính khi sinh

3.1. Nguyên nhân

- Nhóm nguyên nhân cơ bản: Nguồn gốc sâu xa là các dân tộc trên địa bàn huyện đều mang bản sắc văn hóa dân tộc riêng, nhưng đều chịu ảnh hưởng rất lớn của Nho giáo đó là chế độ gia tộc phụ hệ truyền thống; con sinh ra mang họ của cha, con trai là người trụ cột của gia đình là người quyết định mọi công việc, có trách nhiệm nuôi dưỡng bố mẹ tuổi già, nối dõi tông đường và thờ tự... đã ăn sâu vào tiềm thức của mỗi cá nhân, các cặp vợ chồng, gia đình và dòng họ; bắt buộc phải có con trai đã dẫn đến tình trạng trọng nam hơn nữ, thích con trai hơn con gái.

- Nhóm nguyên nhân phụ trợ: Do áp lực của chính sách giảm sinh (mỗi gia đình chỉ nên có 2 con) cùng với chiều hướng quy mô gia đình nhỏ đang phát triển thay thế gia đình truyền thống tác động mạnh đến các cặp vợ chồng mong muốn sinh con trai, 80% người hết tuổi lao động không có lương hưu, chính sách hỗ trợ người cao tuổi thấp nên phải cậy nhờ con cái. Sự hiểu biết thiên lệch về giá trị của con trai và con gái, dẫn đến tâm lý có thêm con trai để phòng ngừa các rủi ro làm tăng thêm mong muốn sinh con.

- Nguyên nhân trực tiếp: Bên cạnh sự phát triển ngày càng cao của các dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân, nhiều dịch vụ như: siêu âm, xét nghiệm được trang bị những thiết bị hiện đại cùng với đội ngũ cán bộ chuyên môn lành nghề, nhiều kinh nghiệm trong và ngoài công lập đem lại kết quả chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày một tốt hơn; mặt khác cũng làm tăng tình trạng lựa chọn giới tính thai nhi do lạm dụng kỹ thuật hiện đại tác động mạnh tới tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh.

3.2. Hệ lụy của mất cân bằng giới tính khi sinh

- Mất cân bằng giới tính khi sinh, kéo dài trong nhiều năm ở nhiều địa phương dẫn đến tình trạng số nam nhiều hơn số nữ, ở độ tuổi trưởng thành; đặc biệt là độ tuổi kết hôn sẽ có rất nhiều nam giới không lấy được vợ hoặc khó khăn trong việc tìm vợ điều này gây tác động xấu đến với gia đình và xã hội, đặc biệt là người phụ nữ.

- Đối với gia đình: Hạnh phúc gia đình sẽ không được trọn vẹn nếu nam giới trong độ tuổi trưởng thành khó có cơ hội lấy được người vợ, phải sống độc thân gây ra lo lắng, căng thẳng về tâm lý đối với bản thân và các thành viên trong gia đình, ảnh hưởng đến phát triển bền vững kinh tế gia đình.

- Người vợ phải cố sinh con trai do sức ép từ nhiều phía dẫn đến gia tăng dân số hoặc phải nạo phá thai nhiều lần ảnh hưởng lớn đến sức khỏe của người phụ nữ và sự phát triển bền vững kinh tế của gia đình vì: Nhân phẩm của người phụ nữ bị hạ thấp, là nạn nhân của bạo lực giới, bị ép buộc trong sinh đẻ khi chưa có con trai, bị coi như một món hàng hóa hoặc phải làm vợ chung, nô lệ tình dục cho những người không lấy được vợ, gia tăng tình trạng bạo lực giới, gia tăng tệ nạn mại dâm, buôn bán phụ nữ và các loại tệ nạn xã hội khác.

II. Mục tiêu, giải pháp can thiệp tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh huyện Si Ma Cai, giai đoạn 2016 - 2020

1. Cơ sở pháp lý, căn cứ xây dựng Kế hoạch

- Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11 ngày 29/11/2006.
- Pháp lệnh Dân số ngày 09/01/2003 của Ủy ban thường vụ quốc hội.
- Nghị định số 176/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực y tế.
- Chỉ thị số 23/2008/CT-TTg ngày 4/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình.
- Kết luận số 44-KL/TW ngày 01/4/2009 của Bộ Chính trị về kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW ngày 22/3/2005 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình;
- Kết luận số 119-KL/TW ngày 04/01/2016 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình;
- Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020;
- Quyết định số 2351/QĐ-TTg ngày 24/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020;
- Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 23/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016-2020”;
- Chỉ thị số 04/CT-BYT ngày 15/3/2016 của Bộ Y tế về việc tăng cường giải quyết tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh;
- Quyết định số 1472/QĐ-BYT ngày 20/4/2016 của Bộ Y tế về ban hành đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016-2020.

2. Mục tiêu kế hoạch

2.1. Mục tiêu chung

Không chế có hiệu quả tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, tiến tới đưa tỷ số giới tính khi sinh trở lại mức cân bằng tự nhiên góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, góp phần xây dựng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao nhận thức của nhân dân và xã hội về thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh, từng bước thay đổi các hành vi theo hướng không lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức; phấn đấu đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức 110 bé trai/100 bé gái vào năm 2020.

- Phấn đấu 100% cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp, các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, cán bộ, nhân viên y tế, người cung cấp các dịch vụ về chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình nắm được thực trạng, nguyên nhân và hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh; các quy định của pháp luật về kiểm soát cân bằng giới tính khi sinh.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhằm giảm tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh vào các chương trình hoạt động của các tổ chức, đoàn thể và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương; thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách dân số (Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015).

- Các cơ sở y tế trong và ngoài công lập trên địa bàn phải cam kết không được phá thai, công bố giới tính thai nhi dưới mọi hình thức để lựa chọn giới tính khi sinh.

- Từng bước giảm tỷ số giới tính khi sinh 1 điểm phần trăm/năm để đưa tỷ số này ở mức 110 bé trai/100 bé gái vào năm 2020.

3. Các giải pháp thực hiện

3.1. Tăng cường, nâng cao hiệu quả truyền thông, giáo dục và vận động nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi

- Đẩy mạnh và duy trì các hoạt động tuyên truyền vận động, cung cấp thông tin nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền; sự ủng hộ, tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội và người có uy tín ở cộng đồng trong việc phòng ngừa, giải quyết tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Trang bị kiến thức, kỹ năng tuyên truyền, tư vấn cho các đối tượng làm công tác DS-KHHGD, cán bộ Tư pháp, Đoàn thanh niên, cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ xã.

- Tăng cường và duy trì các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, tư vấn hướng tới các đối tượng đích của truyền thông chuyển đổi hành vi tại cộng đồng nhằm góp phần thay đổi nhận thức, hành vi của người dân để thực hiện có hiệu quả tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Tổ chức tuyên truyền trên các bản tin, hệ thống Công/trang thông tin điện tử chuyên ngành trên địa bàn huyện và hệ thống loa truyền thanh xã.

- Duy trì và thành lập mới các câu lạc bộ tại các xã, tăng cường phối kết hợp với các tổ chức đoàn thể trong công tác tuyên truyền vận động thực hiện chính sách dân số.

3.2. Nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật về lựa chọn giới tính thai nhi

- Triển khai các văn bản quy định của tỉnh liên quan đến vấn đề giới tính khi sinh; hệ thống hoá, in ấn và phát hành tài liệu quy định của pháp luật về giới, giới tính khi sinh.

- Phổ biến, tuyên truyền rộng rãi các văn bản quy định nghiêm cấm lựa chọn giới tính khi sinh cho lãnh đạo các cơ sở dịch vụ y tế có liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi và cán bộ trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ.

- Thanh tra, kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất các cơ sở y tế có dịch vụ siêu âm; nạo phá thai đối với việc thực hiện các quy định của pháp luật về thực hiện nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi.

- Thanh tra, kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất các cơ sở sản xuất, kinh doanh các loại sách, báo, văn hoá phẩm về thực hiện các quy định của pháp luật về nghiêm cấm tuyên truyền phổ biến phương pháp tạo giới tính thai nhi, sinh con theo ý muốn.

3.3. Tổ chức các hoạt động khuyến khích, hỗ trợ

- Tổ chức xây dựng và duy trì sinh hoạt định kỳ lồng ghép câu lạc bộ phụ nữ, nông dân không sinh con thứ 3, không lựa chọn giới tính thai nhi, giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, lồng ghép các nội dung về giới và giới tính khi sinh trong các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ.

- Tổ chức các Hội nghị tuyên dương và chia sẻ kinh nghiệm sản xuất, của những gia đình sinh con 1 bề là gái, không sinh con thứ 3 trở lên; chia sẻ kinh nghiệm học tập, rèn luyện của các cháu gái có thành tích học tập giỏi cuối năm học trung học phổ thông; xây dựng Quỹ khuyến học nhằm động viên trẻ em gái trong học tập.

- Hàng năm tổ chức các đợt khám sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình cho phụ nữ tại các xã vùng khó khăn, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số.

4. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí từ Chương trình Y tế - Dân số: Thực hiện theo kế hoạch được phân bổ hàng năm. Chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách dân số (Nghị định 39/2015/NĐ-CP).

- Sử dụng lồng ghép có hiệu quả các nguồn kinh phí của địa phương tại Quyết định 09/2016/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành quy định về chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Y tế huyện

- Tham mưu UBND huyện kế hoạch đẩy mạnh giải pháp can thiệp tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh trên địa bàn huyện Si Ma Cai, giai đoạn 2016-2020.

2. Trung tâm Dân số - kế hoạch hóa gia đình

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các xã, tổ chức triển khai kế hoạch đẩy mạnh giải pháp can thiệp tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016 – 2020.

Phối hợp với các Phòng: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính cân đối, bố trí nguồn lực thực hiện kế hoạch gắn với nguồn lực của Dự án số 3 thuộc Đề án 7.

Xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện kế hoạch hàng năm. Chi đạo hướng dẫn các đơn vị trực thuộc tổ chức triển khai thực hiện. Phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND huyện và Sở Y tế.

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung giáo dục về giới, giới tính, dân số, sức khỏe sinh sản vị thành niên, bình đẳng giới, phòng chống HIV cho học sinh trong các nhà trường theo độ tuổi phù hợp. Ưu tiên tuyển sinh vào các trường phổ thông dân tộc nội trú học sinh nữ.

4. Phòng Lao động - Thương binh và xã hội

Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng chính sách về đào tạo nghề, tạo việc làm đặc biệt quan tâm đến lao động nữ nhằm phát huy lợi thế của giai đoạn cơ cấu “dân số vàng, xây dựng kế hoạch cải thiện phúc lợi cho người cao tuổi.

5. Phòng Văn hóa - Thông tin; Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình nâng cao tâm vóc và thể lực đối với thanh niên; tổ chức các hoạt động phát triển gia đình bền vững, phòng chống bạo lực gia đình; lồng ghép các nội dung về dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đẩy mạnh các hoạt động công tác gia đình, hướng tới mục tiêu ít con, no ấm, tiến bộ, hạnh phúc.

- Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền với nhiều hình thức khác nhau về Pháp lệnh dân số; Luật bình đẳng giới; tuyên truyền giáo dục chuyển đổi hành vi về dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình trên các phương tiện truyền thông. Xử lý các hành vi xuất bản, lưu hành các ấn phẩm, sản phẩm thông tin có nội dung vi phạm chính sách dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình.

6. Phòng Tư pháp

- Phối hợp với các đơn vị liên quan, UBND các xã kiểm tra, rà soát, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về công tác dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình.

- Hướng dẫn đưa nội dung về thực hiện chính sách dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình vào quy ước của thôn, cụm dân cư.

7. Chi cục Thống kê huyện

Phối hợp với các đơn vị liên quan chỉ đạo việc thu thập, cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các số liệu về dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình hàng năm. Tổng hợp và cung cấp số liệu liên quan cho các cơ quan chức năng, làm cơ sở cho việc đánh giá tình hình; phối hợp liên ngành về đánh giá thực hiện chính sách dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình.

8. Phòng Dân tộc

Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách dân số và sức khỏe sinh sản với các đồng bào dân tộc thiểu số; phối hợp xây dựng các mô hình nâng cao chất lượng dân số và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách về công tác dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

9. UBND các xã

Căn cứ vào kế hoạch của UBND huyện và tình hình thực tế của địa phương đưa nội dung Dân số-KHHGD vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương và tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật về dân số, hôn nhân, gia đình, bình đẳng giới.

10. Đề nghị Ủy ban MTTQ và các tổ chức đoàn thể huyện

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và hội viên tham gia các hoạt động, phối hợp với các ngành liên quan thực hiện tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện chính sách pháp luật về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; giám sát việc thực hiện kế hoạch trên địa bàn.

Trên đây là Kế hoạch đẩy mạnh giải pháp can thiệp tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh huyện Si Ma Cai, giai đoạn 2016-2020. Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã, triển khai thực hiện; báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện (quan Trung tâm Dân số - KHHGD) trước ngày 10/12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế, Chi cục dân số;
- TT HU, HĐND, UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- UBND các xã;
- Lưu: VT.

f

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
K/T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giang Sinh Chử